

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2018/HS-ST
Ngày 08 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mở,

Ông Doãn Văn Sáng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 100/2018/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Đức T, sinh năm 1991; giới tính: Nam; Nơi sinh: tại H; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: V; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; Con ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị L; Vợ Hoàng Thị N; Có 02 con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị can bị tạm giữ từ ngày 04/8/2018 đến ngày 10/8/2018 chuyển tạm giam; Có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

Anh Dương Quốc K, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu C, thị trấn M, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền ăn tiêu và sử dụng ma túy, Vũ Đức T đã nảy sinh ý định đến Bệnh viện đa khoa huyện T xem người khác có sơ hở thì lấy tài sản của họ mang

bán. Khoảng 10 giờ ngày 04/8/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Damsan biển kiểm soát 16L5-3198 dừng ở khu vực dưới sân bệnh viện rồi đi xung quang một số khoa khám bệnh của bệnh viện thấy có một số người nhà bệnh nhân đang nằm ngủ, bên cạnh có để điện thoại di động đang sạc pin ở gần chỗ nằm. T quan sát xung quang không có ai để ý đã len vào lấy điện thoại di động của một số người, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: T vào phòng 204 Khoa Nhi, lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9, màu vàng của chị Nguyễn Thị Trang sinh năm 1996, trú tại xã Thủy Đường, huyện T, thành phố H. T cất giấu điện thoại vừa lấy được của chị Trang vào túi quần đang mặc rồi tiếp tục sang phòng khác lấy tài sản.

- Lần thứ hai: T vào phòng 106 khoa truyền nhiễm, lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphon 6S Plus, màu vàng của anh Dương Quốc K, sinh năm 1984, trú tại thị trấn M, huyện T, thành phố H. T cất điện thoại vừa lấy được của anh T cho vào túi quần, đi ra cửa thì bị anh K phát hiện, hô hoán, cùng lực lượng bảo vệ bệnh viện bắt quả tang đã đưa T cùng vật chứng về trụ sở UBND xã T lập biên bản bắt người thực hiện hành vi phạm tội quả tang.

Ngày 06/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 T lấy của chị T trị giá 4.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus T lấy của anh K trị giá 6.000.000 đồng. Tổng trị giá của hai chiếc điện thoại trên là 10.500.000 đồng.

Theo các anh Bùi Quang T và anh Đào Quang H là bảo vệ của bệnh viện đa khoa huyện T khai: Khi các anh nghe thấy anh K hô hoán đã cùng với anh Khánh bắt giữ T. Quá trình bắt giữ kiểm tra, trong túi quần của T có 02 chiếc điện thoại có đặc điểm như trên, T khai vừa lấy được của người nhà bệnh nhân trong bệnh viện.

Bản Cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Vũ Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Đức T khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố Vũ Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm g, khoản 1, Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại

đầy đủ nên không xem xét giải quyết; Bị cáo Vũ Đức T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về pháp luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội quy định tất cả những hành vi phạm tội xảy ra tại thời điểm 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết.

[2]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3]. Lời khai của bị cáo Vũ Đức T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Ngày 04/8/2018 Vũ Đức T đã có hành vi lợi dụng sơ hở và mất cảnh giác của người nhà đi chăm sóc bệnh nhân tại Bệnh viện đa khoa huyện T thành phố H, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị T là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 trị giá 4.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus của anh Dương Quốc K trị giá 6.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.500.000 đồng. Với hành vi trên, bị cáo Vũ Đức T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 113/CT-VKSTN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

[4]. Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị Trang và anh T, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T và anh Dương Quốc K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu T bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra, xác định bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Vậy xác định bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 16L5-3198 công an thu giữ của Vũ Đức T là tài sản của ông Hoàng Văn D, sinh năm 1972 trú tại thôn C, xã Lưu Kiếm, huyện T, thành phố H (là bố vợ T), T mượn ông D chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966 trú tại xã Đ, huyện K, thành phố H. Ông D khai mua của người không quen biết vào khoảng cuối năm 2014 ở khu vực nội thành, khi mua có giấy tờ, nhưng lâu ngày đã bị thất lạc. Ông D không biết việc T dùng chiếc xe trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh chiếc xe trên không có trong danh sách vật chứng của các vụ án. Hiện tại ông Đức không có mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được nguồn gốc chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo Vũ Đức T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 15 (Mười năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2018.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Bị cáo Vũ Đức T phải 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- CATP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu toà, hồ sơ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- PV 27 công an TP Hải Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ